

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/11/2018
*V/v ly hôn và tranh chấp tài sản
chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thông Thái.
2. Ông Dương Khắc Hùng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Thanh Lê Anh Tuấn – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà
Phạm Thị Bích Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong,
tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:
264/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp
tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HNGĐ
ngày 31 tháng 10 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thanh V, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Xóm 17, Thôn U1, xã U, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: ông Trương Thanh H, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Xóm 11, Thôn U2, xã U, huyện W, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử,

Nguyên đơn bà Trần Thanh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Trương Thanh H tự nguyện xác lập quan hệ
vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã U, huyện W vào năm 2016. Hai bên

gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng bà. Sau khi cưới, vợ chồng về nhà cha mẹ bà sinh sống cho đến khi phát sinh mâu thuẫn. Từ khi xác lập quan hệ vợ chồng, bà và ông H sống hạnh phúc trong khoảng thời gian đầu. Đầu năm 2017, ông H ham chơi, không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con nên vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 12/2017 giữa ông và mẹ ruột bà nảy sinh mâu thuẫn trong việc nuôi cháu K và ông bỏ về nhà cha mẹ ông sinh sống. Bà và ông H bắt đầu sống ly thân từ đó cho tới nay, không ai quan tâm đến ai, ông H cũng không quan tâm đến bà cũng như con chung, không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 người con chung là Trương Khang K, sinh ngày 22/9/2017, hiện đang ở với bà, bà yêu cầu được nuôi cháu K, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hiện nay vợ chồng không có tài sản gì, bà đang giữ 04 chỉ vàng y là số vàng cưới của vợ chồng.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trương Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà V tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã U, huyện W vào năm 2016. Sau khi xác lập quan hệ vợ chồng, ông về nhà cha mẹ bà V sinh sống được một khoảng thời gian, đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn với gia đình nhà vợ nên ông bỏ về nhà cha mẹ mình sinh sống. Từ thời gian đó ông và bà V sống ly thân, trong khoảng thời gian sống ly thân ông không qua lại nhà bà V nhưng có gửi tiền nuôi con mỗi khi ông đi biển về. Nay ông xác định đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, bà V có đơn ly hôn nên ông đồng ý ly hôn với bà V.

Về con chung: Có 01 người con chung là Trương Khang K, sinh ngày 22/9/2017, hiện đang ở với bà V, ông đồng ý giao con cho bà V nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông không đồng ý lời trình bày của bà V là vợ chồng không có tài sản chung, ông làm đơn phản tố về chia tài sản chung và trình bày: Trong ngày cưới cha mẹ ông có cho 08 chỉ vàng, họ hàng nhà ông cho 04 chỉ vàng, tổng cộng là 12 chỉ vàng, cha mẹ bà V còn cho vợ chồng ông 20 chỉ vàng 9999. Tổng cộng tài sản chung là 32 chỉ vàng 9999 và. Hiện này toàn bộ số vàng mẹ bà V đang giữ. Ông yêu cầu bà V phải chia cho ông 16 chỉ vàng 9999 là tài sản chung trong ngày cưới hai bên gia đình đã cho vợ chồng ông bà.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Điều 30; Điều 33; Điều 37; Điều 51; Điều 55; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thanh V

Về hôn nhân: Bà Trần Thanh V được ly hôn với ông Trương Thanh H.

Về con chung: giao 01 con chung tên Trương Khang K, sinh ngày 22/9/2017 cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của ông H. Buộc bà Trần Thanh V hoàn lại 07 chỉ vàng Y cho ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà V và ông H xác định đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai thuận tình ly hôn, xét thấy sự thỏa thuận của hai bên không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có 01 người con chung là Trương Khang K, sinh ngày 22/9/2017, hiện đang ở với bà V. Ông H và bà V thống nhất giao cháu K cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Tại Tòa ông H thay đổi một phần yêu cầu phản tố về tranh chấp tài sản chung ông yêu cầu bà V giao trả cho ông 12 chỉ vàng 9999 gồm số vàng cha mẹ ông có cho 08 chỉ vàng, họ hàng nhà ông cho 04 chỉ, bà V không đồng ý yêu cầu của ông H, bà chỉ đồng ý hoàn lại cho ông 07 chỉ vàng (9T5) là số vàng gia đình ông H cưới. Theo bà trình bày khi tổ chức cưới hai bên gia đình có cho vợ chồng 32 chỉ vàng nhưng trong quá trình chung sống bà đã bán để phục vụ cho việc chi tiêu của vợ chồng và sinh và nuôi con; hiện nay bà chỉ còn giữ 04 chỉ vàng. Xét thấy yêu cầu phản tố của ông Hoàn buộc bà V hoàn lại 12 chỉ vàng do gia đình ông cho trong ngày cưới là không có căn cứ để chấp nhận bởi lẽ theo bà V số vàng này bà đã bán để trang trải trong cuộc sống chung vợ chồng là phù hợp, ngoài ra ông H không có chứng cứ chứng minh hiện nay số vàng ông tranh chấp bà

V còn giữ , vì vậy, hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông H, công nhận sự tự nguyện của bà V hoàn trả cho ông H 07 chỉ vàng y (9T5)

Về nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà V, ông H phải có trách nhiệm nộp án phí theo quy định của pháp luật hai bên thống nhất giá vàng tại thời điểm giải quyết là 3.600.000 đồng/01 chỉ là cơ sở tính án phí

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 30; Điều 33; Điều 37; Điều 51; Điều 55; Điều 59; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thanh V đối với ông Trương Thanh H, bà V được ly hôn với ông H.

[2] Về con chung: Giao cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trương Khang K, sinh ngày 22/9/2017 cho đến khi cháu K thành niên có khả năng tự lao động và có tài sản để tự nuôi bản thân, bà V không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Bà V không được ngăn cản ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu K, bà V có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con; ông H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Hoàn. Buộc Bà V phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông H (07) bảy chỉ vàng (9T5)

[3] Về án phí: Bà V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn và **1.260.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung. Khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp tại biên lai thu số 0019278 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà phải nộp thêm **1.260.000** đồng

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

+ Trường hợp các bên thỏa thuận được thì mức lãi suất không vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì mức lãi suất là 10%/năm

Ông H phải nộp **900.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông đã tạm nộp **1.450.000** đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0019421 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, nên hoàn lại cho ông **550.000** đồng

[4] Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho nguyên đơn bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/11/2018).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã U;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Quốc Trí